

I. **Listen and choose the best answer.** (Nghe và chọn đáp án đúng nhất)

1. Should I set the interview in the morning or in the afternoon?  
Tôi nên sắp xếp cuộc phỏng vấn vào buổi sáng hay là vào buổi chiều?

**A. Morning is preferable.**  
Buổi sáng được ưu tiên hơn

B. No, you don't need to.  
Không, bạn không cần làm

2. Do you know who was hired or should I ask the manager?  
Bạn có biết ai đã được thuê không hay là tôi nên hỏi người quản lý?

A. No, he's in higher level.  
Không, anh ta ở một trình độ cao hơn.

**B. Patrick Johnson was selected among the candidates.**  
Patrick Johnson đã được chọn giữa các ứng viên.

3. Are you reading this book right now or can I borrow it?  
Bạn có đang đọc cuốn sách này bây giờ không hay tôi có thể mượn nó?

**A. You can take this any time.**  
Bạn có thể lấy nó bất cứ khi nào.

B. Sorry, we are fully booked.  
Rất lấy làm tiếc, chúng tôi đã được đặt hết.

4. Would you like me to mop the floor or just clean the tables?  
Bạn muốn tôi lau sàn nhà hay chỉ dọn các cái bàn?

**A. You'd better sweep the floor first.**  
Bạn nên quét sàn nhà trước.

B. It's on the second floor.  
Nó ở trên tầng hai.

5. Do we have to wait for them or should we depart without them?  
Chúng ta có phải đợi họ không hay chúng ta nên khởi hành mà không có họ?
- A. Let's wait for another hour.**  
Hãy cùng đợi thêm một tiếng nữa.
- B. Your departure time is 3 o'clock.  
Thời gian khởi hành của bạn là lúc 3 giờ.
6. Do you want me to take Riverside Avenue or highway?  
Bạn muốn tôi đi Đại lộ Riverside hay đường cao tốc?
- A. I don't want to go to the riverside.  
Tôi không muốn đi đến khu ven sông.
- B. Either is fine with me.**  
Cái nào cũng ổn đối với tôi.
7. Can we walk to the downtown or should I drive?  
Chúng ta có thể đi bộ đến trung tâm thành phố không hay tôi nên lái xe?
- A. Actually, I live downtown.  
Thực ra, tôi sống ở trung tâm thành phố.
- B. I think you should drive.**  
Tôi nghĩ là bạn nên lái xe.
8. Are you going to the airport by yourself or with other colleagues?  
Bạn dự định tới sân bay một mình hay với các đồng nghiệp khác?
- A. One of my colleagues will pick me up at 7 P.M.**  
Một trong những đồng nghiệp của tôi sẽ đón tôi lúc 7 giờ tối.
- B. No, almost everyone is going.  
Không, gần như tất cả mọi người sẽ đi.

9. Do you want some milk with your coffee or would you prefer black?  
Bạn có muốn một chút sữa cho cà phê của bạn không hay bạn thích cà phê đen hơn?

**A. I'll have black coffee.**

Tôi sẽ dùng cà phê đen.

B. No, it's too dark.

Không, nó quá tối.

## II. **Fill the gaps** (Điền vào các chỗ trống)

1. Would you like a window seat or an aisle seat?  
Bạn muốn một chỗ ngồi cạnh cửa sổ hay một chỗ ngồi cạnh lối đi?
2. Do you want to chair the meeting yourself or should I do it?  
Bạn muốn tự chủ trì cuộc họp đó hay tôi nên làm điều đó?
3. Would it be better to advertise in print or on the radio?  
Nó có tốt hơn không nếu quảng cáo trên giấy hay trên radio?
4. Would you like to go to a concert or go shopping?  
Bạn thích đi tới một buổi hòa nhạc hay đi mua sắm?
5. Have you already made copies or should I do it?  
Bạn đã vừa tạo ra các bản copies chưa hay tôi nên làm điều đó?
6. Do you want to take the train or express bus?  
Bạn muốn đi tàu hay xe buýt nhanh?
7. Are you taking a bus or can I give you a ride home?  
Bạn dự định sẽ đi xe buýt hay tôi có thể cho bạn một chuyến đi nhờ về nhà?
8. Would you like an appointment in the morning or in the afternoon?  
Bạn muốn một cuộc hẹn vào buổi sáng hay vào buổi chiều?

### III. **Common Choice questions** (Các câu hỏi lựa chọn hay gặp)

1. Is your presentation on Wednesday or Thursday?  
Bài thuyết trình của bạn là vào thứ Tư hay thứ Năm?
2. Do you want to send this by surface mail or airmail?  
Bạn muốn gửi nó bằng thư đường bộ/thủy/sắt hay là đường hàng không?
3. Would you like chicken or beef?  
Bạn thích thịt gà hay thịt bò?
4. Are we having the concert indoors or outdoors?  
Chúng ta dự định sẽ có buổi hòa nhạc ở trong nhà hay ở ngoài trời?
5. Do we have enough paper or should I buy some more?  
Chúng ta có đủ giấy không hay tôi nên mua thêm một chút?

### IV. **Choose A, B or C; fill the gaps** (Điền vào chỗ trống và chọn A, B hoặc C)

1. Are we hiring more staff or planning to outsource the orders?  
Chúng ta có dự định sẽ thuê thêm nhân viên hay dự định sẽ thuê ngoài những đơn đặt hàng đó?  
  
A. He is the Human Resources Department head.  
Anh ấy là trưởng phòng nhân sự.  
  
B. I ordered the items two days ago.  
Tôi đã đặt hàng những món đồ đó từ hai ngày trước rồi.  
  
**C. We already hired ten more workers.**  
Chúng ta vừa mới thuê thêm 10 nhân công.

2. Do you want to announce it today or should we wait until tomorrow?  
Bạn có muốn thông báo nó hôm nay không hay chúng ta nên đợi đến ngày mai?

A. They announced the merger yesterday.  
Họ đã thông báo vụ sáp nhập từ ngày hôm qua.

B. I think it's too heavy.  
Tôi nghĩ nó quá nặng.

**C. I will tell them tonight.**  
Tối nay tôi sẽ bảo họ.

3. Is your appointment with the dentist on Thursday or Friday?  
Cuộc hẹn với nha sĩ của bạn là vào thứ Năm hay thứ Sáu?

A. There are many dentists in that office.  
Có nhiều các bác sĩ nha khoa ở trong văn phòng đó.

B. Yes, the appointment has been canceled.  
Đúng vậy, cuộc hẹn đã vừa bị hủy.

**C. I'm going on Thursday.**  
Tôi (chắc chắn) sẽ đi vào thứ Năm.

4. Would you care for a window table or a table in the center?  
Bạn có đang quan tâm đến một bàn cạnh cửa sổ hay một bàn ở trung tâm?

A. I sent her a letter.  
Tôi đã gửi cho cô ấy một bức thư.

**B. Window, please.**  
Cửa sổ, làm ơn.

C. I have to repair my kitchen window.  
Tôi phải sửa cái cửa sổ phòng bếp của tôi.

5. Did you contact the London office or should I do that myself?  
Bạn đã liên lạc văn phòng bên London chưa hay tôi tự mình làm điều đó?

**A. Yes, I did, but no one answered.**

Có, tôi đã làm, nhưng đã không có ai trả lời.

B. Yes, it's a holiday there.

Đúng vậy, nó là một kỳ nghỉ lễ ở đó.

C. I lost my contact lenses.

Tôi đã làm mất cặp kính áp tròng của tôi.

6. Would you like to leave a message or should I have her call you back?  
Bạn có muốn để lại một tin nhắn hay tôi nên bảo cô ấy gọi lại cho bạn?

**A. Tell her I will call back tomorrow.**

Nói với cô ấy tôi sẽ gọi lại vào ngày mai.

B. I won't be back until this afternoon.

Tôi sẽ không quay trở lại cho đến chiều nay.

C. I can take a message if you want.

Tôi có thể nhận một tin nhắn nếu bạn muốn.